



FPT POLYTECHNIC

TÀI LIỆU DỰ ÁN

**PHẦN MỀM HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỬA HÀNG THỨC ĂN
NHANH**



GIẢNG VIÊN : PHAN VIẾT THẾ

HỌC VIÊN : TRẦN GIA HÀO

LỚP/KỲ : SD18318/SU24

MỤC LỤC

1	Giới thiệu dự án	2
1.1	Giới thiệu cá nhân/nhóm phát triển dự án	2
1.2	Yêu cầu của dự án	2
1.3	Lập kế hoạch dự án	3
2	Phân tích yêu cầu khách hàng	4
2.1	Sơ đồ Use Case	4
2.1.1	Quản trị	4
2.1.2	Khách viếng thăm	5
2.1.3	Khách hàng	6
2.2	Đặc tả yêu cầu hệ thống (SRS)	6
2.2.1	Site admin	6
2.2.2	Site customer	9
2.3	Sơ đồ triển khai và yêu cầu hệ thống	13
2.3.1	Sơ đồ triển khai	13
2.3.2	Yêu cầu hệ thống	13
3	Thiết kế ứng dụng	14
3.1	Mô hình công nghệ ứng dụng	14
3.2	Thực thể	15
3.2.1	Sơ đồ quan hệ thực thể (ERD)	15
3.2.2	Chi tiết thực thể	16
3.3	Giao diện	19
4	Thực hiện dự án	19
4.1	Tạo giao diện Web App	19
4.1.1	Giao diện quản trị	19
4.1.2	Giao diện khách hàng	22
4.2	Tạo CSDL với SQL Server	28
4.2.1	Sơ đồ quan hệ	28
4.2.2	Thủ tục lưu	28
4.3	Mô Hình Lập trình	29
4.3.1	Mô hình tổ chức dự án	31
4.3.2	Restfull API	32
5	Kiểm thử phần mềm và sửa lỗi	32
5.1	Bảng test case	32
6	KẾT LUẬN	32
6.1	Khó khăn	32
6.2	Thuận lợi	32
6.3	Những lỗi hỏng trong phần mềm	32
6.3.1	Site admin:	32
6.3.2	Site Customer	32

1 GIỚI THIỆU DỰ ÁN

1.1 GIỚI THIỆU CÁ NHÂN/NHÓM PHÁT TRIỂN DỰ ÁN

Họ và tên: Trần Gia Hào.

Sinh năm: 2004.

Học viên tại: FPT Polytechnic.

Số năm học: 2.

Chuyên ngành: Software developer.

1.2 YÊU CẦU CỦA DỰ ÁN

Ứng dụng cần đáp ứng được những chức năng cơ bản sau:

- Đối với nhóm người dùng Khách viếng thăm (Guest):

- o Đăng ký tài khoản trên hệ thống (thông tin đăng ký ít nhất là 6 thông tin).
- o Duyệt các loại thức ăn nhanh + thực đơn riêng theo combo.
- o Xem thông tin chi tiết thức ăn nhanh + thực đơn riêng theo combo.
- o Tìm kiếm cơ bản: Tìm món ăn theo tên
- o Tìm kiếm nâng cao: Tìm món ăn theo tên, giá cả, chủng loại, thông tin, chủ đề.

- Đối với nhóm người dùng khách hàng (Customer):

- o Đăng nhập hệ thống Site khách hàng + lựa chọn đăng nhập qua Google
- o Cập nhật thông tin cá nhân của tài khoản
- o Đặt món ăn và thanh toán
- o Xem thông tin lịch sử quá trình đặt món ăn qua các hóa đơn
- o Theo dõi tình trạng các hóa đơn mới mua

- Đối với nhóm người dùng quản trị (Admin):

- o Đăng nhập hệ thống Site quản lý
- o Cập nhật thông tin cá nhân của tài khoản
- o Quản lý các tài khoản của người dùng (Danh sách, Thêm, Xóa, Cập nhật). Lưu ý không xóa tài khoản Admin hiện đang sử dụng.

- o Quản lý các loại món ăn nhanh (,Danh sách, Thêm, Xóa, Cập nhật)
- o Quản lý các combo (Danh sách,Thêm, Xóa, Cập nhật)
- o Quản lý đơn đặt hàng (đã giao, chưa giao, đang giao)

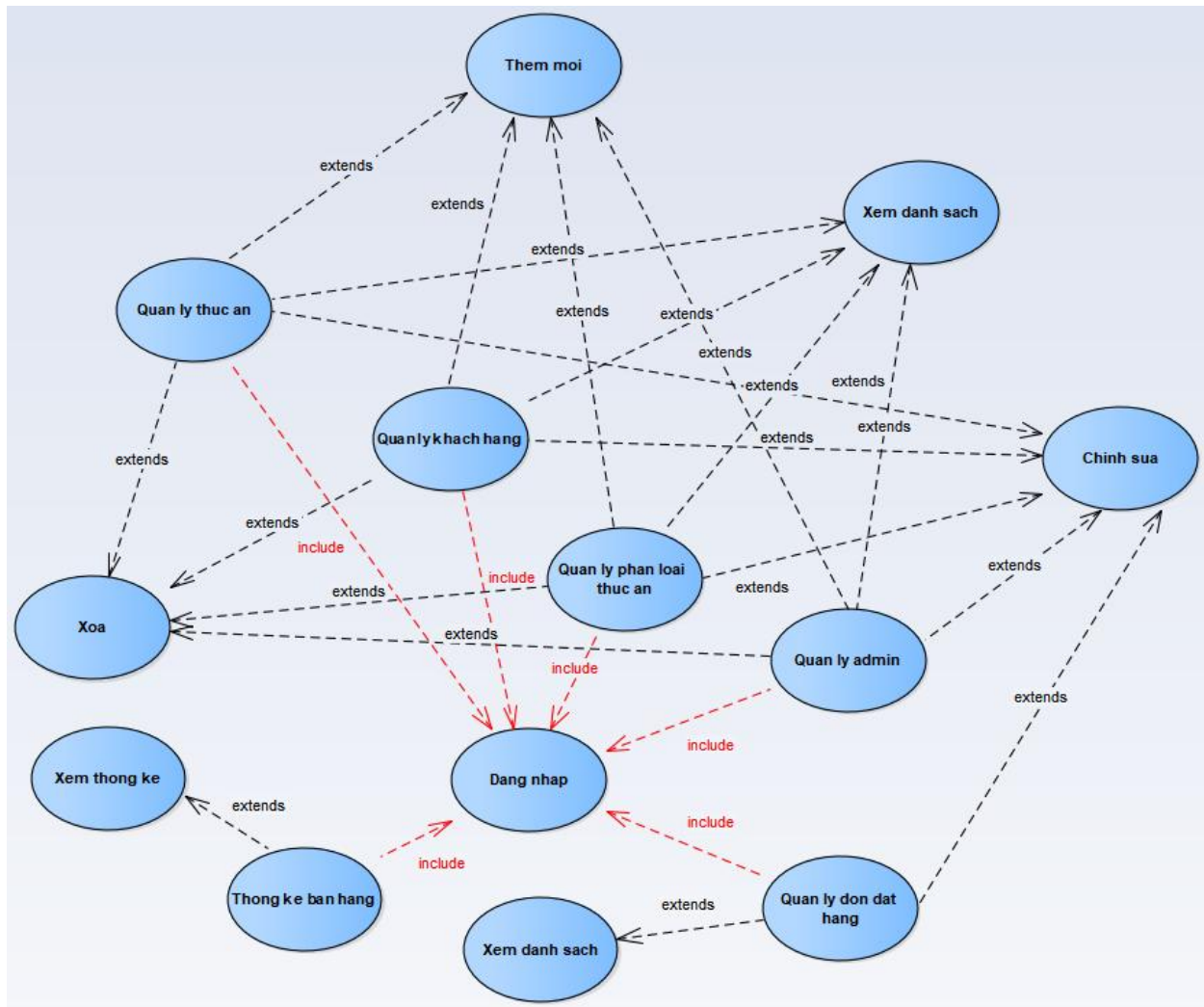
1.3 LẬP KẾ HOẠCH DỰ ÁN

TT	HẠNG MỤC	BẮT ĐẦU	KẾT THÚC	KẾT QUẢ
1	Phân tích yêu cầu khách hàng			
1.1	Vẽ sơ đồ use cases			
	...			
2	Thiết kế ứng dụng			
2.1	Thiết kế mô hình công nghệ			
	...			
3	Thực hiện dự án			
3.1	Tạo giao diện			
	...			
4	Kiểm thử			
4.1	Xây dựng kịch bản kiểm thử			
	...			
5	Đóng gói & triển khai			
5.1	Đóng gói sản phẩm			
	...			

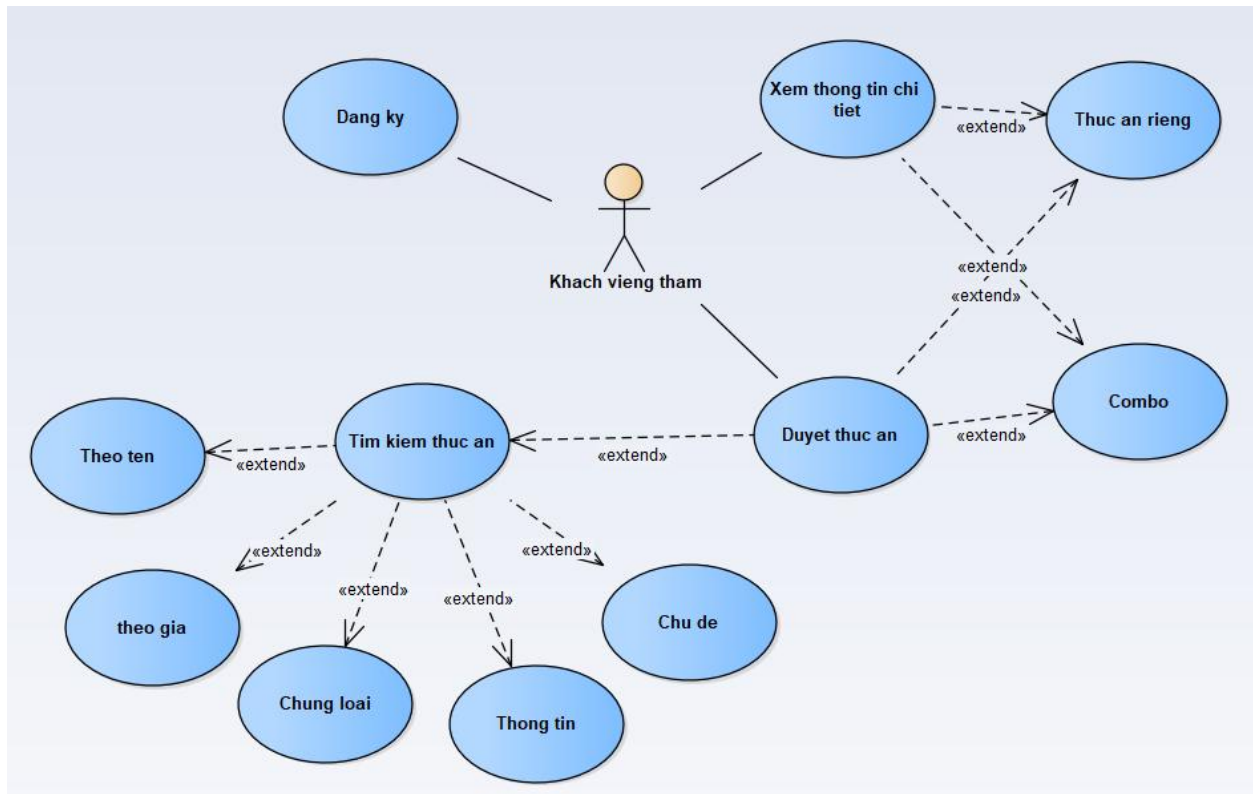
2 PHÂN TÍCH YÊU CẦU KHÁCH HÀNG

2.1 SƠ ĐỒ USE CASE

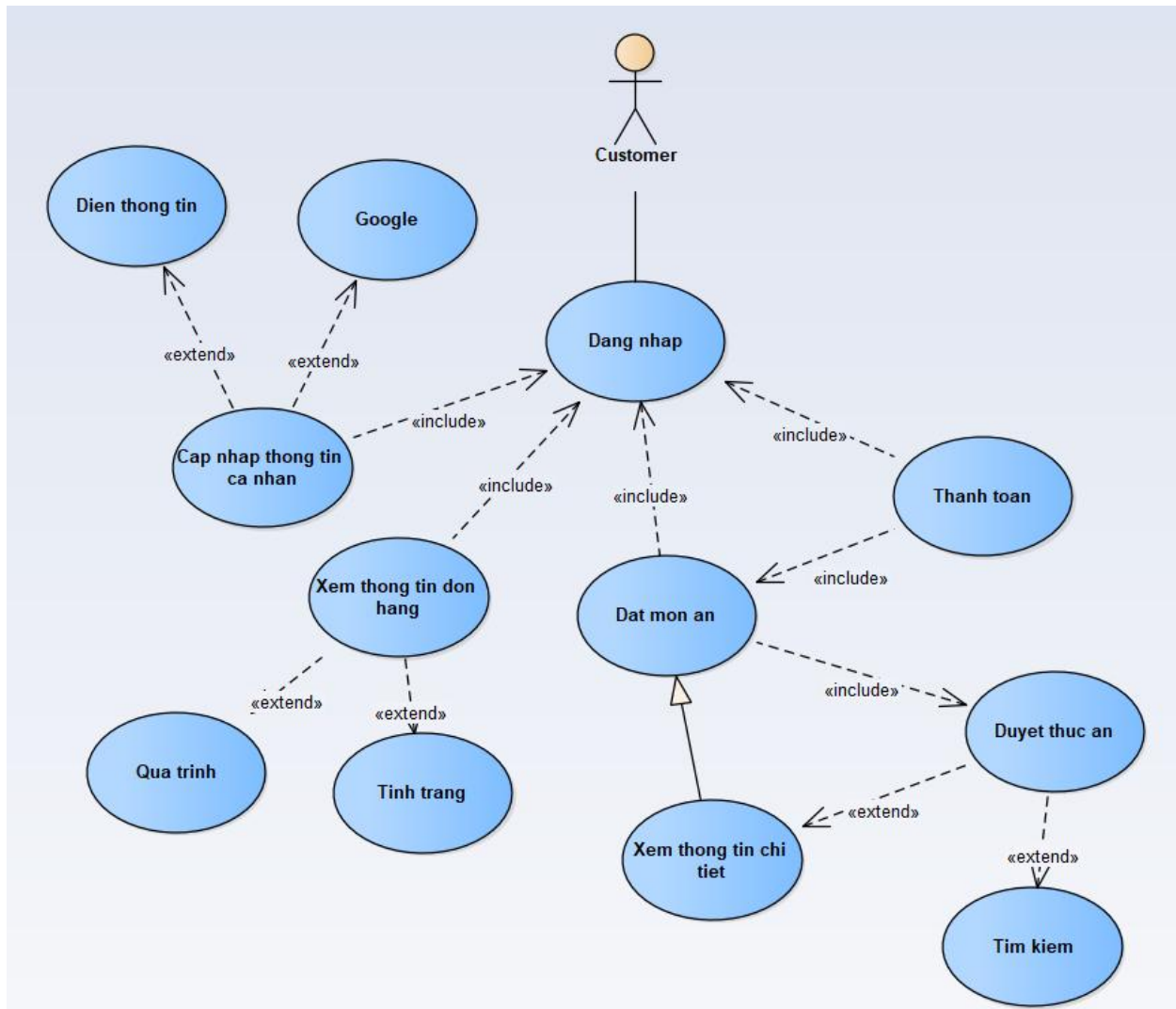
2.1.1 QUẢN TRỊ



2.1.2 KHÁCH VIẾNG THĂM



2.1.3 KHÁCH HÀNG



2.2 ĐẶC TẢ YÊU CẦU HỆ THỐNG (SRS)

2.2.1 SITE ADMIN

2.2.1.1 Đăng nhập

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng đăng nhập được sử dụng để xác minh người dùng có vai trò quản trị hay không trước khi người dùng truy cập vào hệ thống quản lý của admin. Phương thức xác minh là tài khoản được cấp để có quyền truy cập.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi tài khoản quản trị bao gồm: mã quản trị, email, mật khẩu (gồm 5 ký tự trở lên bao gồm ít nhất 1 chữ cái viết hoa và 1 số), trạng thái trực tuyến và ngày tạo.

- ✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**
Nhóm người dùng quản trị.
- ✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.1.2 Quản lý admin

- ✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**
Chức năng quản lý admin được sử dụng để quản lý thông tin toàn bộ nhân viên trong nhóm người dùng quản trị. Tại đây quản trị chính có thể tạo mới tài khoản admin, chỉnh sửa thông tin của nhân viên trong nhóm người dùng quản trị và xóa tài khoản admin, ngược lại quản trị phụ thì không. Lưu ý, không được xóa và chỉnh sửa tài khoản admin đang sử dụng (đang trực tuyến).
- ✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**
Thông tin của mỗi quản trị bao gồm: mã quản trị (tự tạo ngẫu nhiên), email, mật khẩu (gồm 5 ký tự trở lên bao gồm ít nhất 1 chữ cái viết hoa và 1 số), trạng thái trực tuyến và ngày tạo, cấp bậc (master và staff).
- ✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**
Nhóm người dùng quản trị.
- ✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**
Người dùng phải đăng nhập xác minh.

2.2.1.3 Quản lý khách hàng

- ✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**
Chức năng quản lý khách hàng được sử dụng để quản lý tài khoản của khách hàng. Tại đây quản trị có thể tạo mới tài khoản, chỉnh sửa thông tin tài khoản khách hàng và xóa tài khoản khách hàng. Lưu ý, không được phép xóa tài khoản khách hàng nếu tài khoản khách hàng đã có nhiều lịch sử (giỏ hàng, đơn hàng).
- ✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**
Thông tin của mỗi khách hàng bao gồm: email, mật khẩu, tên đăng nhập. Mỗi khách hàng có thể được tùy chọn địa chỉ giao hàng và địa chỉ khách hàng bao gồm: id, tên nhận hàng, số điện thoại, địa chỉ.
- ✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**
Nhóm người dùng quản trị.
- ✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**
Người dùng phải đăng nhập xác minh.

2.2.1.4 Thống kê bán hàng

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng thống kê bán hàng được sử dụng để theo dõi số lượng hàng đã bán trong ngày, trong tháng và trong năm. Người dùng cũng sẽ biết được các thức ăn nào bán chạy và nằm trong “top 5 loại bán chạy”.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Dữ liệu sẽ bao gồm: số thức ăn đã được bán theo mốc thời gian và thông tin 5 loại thức ăn bán chạy nhất.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng quản trị.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.1.5 Quản lý phân loại thức ăn

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng quản lý phân loại thức ăn được sử dụng để quản lý loại thức ăn như đồ uống, thức ăn nhanh,...

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi loại bao gồm: mã loại (tự tạo ngẫu nhiên) và tên loại.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng quản trị.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng phải đăng nhập xác minh.

2.2.1.6 Quản lý thức ăn

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng quản lý thức ăn được sử dụng để quản lý toàn bộ thức ăn được bán trong cửa hàng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi thức ăn bao gồm: mã thức ăn (tự tạo ngẫu nhiên), tên thức ăn, giá hiện tại, giá trước đây, số lượng tồn kho, số lượng đã bán, ảnh.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng quản trị.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng phải đăng nhập xác minh.

2.2.1.7 Quản lý đơn đặt hàng

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng quản lý đơn đặt hàng được sử dụng để quản lý các đơn đặt của khách hàng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi đơn hàng bao gồm: id, ngày đặt, ngày giao, trạng thái (chưa giao, đang giao, đã giao), ghi chú. Một đơn hàng sẽ có thể có nhiều thức ăn và thông tin thức ăn đặt bao gồm: đơn giá, số lượng của thức ăn đặt.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng quản trị.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng phải đăng nhập xác minh.

2.2.2 SITE CUSTOMER

2.2.2.1 Đăng nhập

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng đăng nhập được sử dụng để tạo tài khoản hoặc đăng ký tài khoản nếu người dùng chưa có tài khoản. Tài khoản sẽ dùng để lưu trữ thông tin giỏ hàng, địa chỉ giao hàng và các đơn đặt hàng của người dùng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi tài khoản khách hàng bao gồm: email, mật khẩu, tên đăng nhập (tên được tạo từ ký tự @ trở về trước trong email).

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách viếng thăm và khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.2.2 Đăng nhập qua google

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng đăng nhập qua google được sử dụng để đăng nhập bằng tài khoản google sở hữu của người dùng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi tài khoản khách hàng bao gồm: email, mật khẩu, tên đăng nhập (tên được tạo từ ký tự @ trở về trước trong email).

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách viếng thăm và khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.2.3 Duyệt thức ăn theo bộ lọc

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng duyệt thức ăn theo bộ lọc được sử dụng để hiển thị danh sách thức ăn theo yêu cầu của người dùng bằng cách sử dụng bộ lọc thức ăn. Bộ lọc sẽ bao gồm: tìm kiếm thức ăn theo tên, theo chủng loại, theo thức ăn riêng hoặc theo combo. Sắp xếp theo giá (giá từ thấp đến cao, giá từ cao đến thấp).

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Dữ liệu bao gồm thông tin phân loại thức ăn và thông tin thức ăn.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách viếng thăm và khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.2.4 Xem thông tin chi tiết thức ăn

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng xem thông tin chi tiết thức ăn được sử dụng để hiển thị tên và giá sản phẩm, cho phép người dùng chọn số lượng đặt hàng trước khi thêm vào giỏ hàng

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Dữ liệu bao gồm thông tin thức ăn.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách viếng thăm và khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.2.5 Giới thiệu cửa hàng

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng giới thiệu cửa hàng được sử dụng để cung cấp cho người dùng tất tần tật thông tin về cửa hàng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Mô tả của khách hàng.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách viếng thăm và khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Không.

2.2.2.6 Cập nhập thông tin cá nhân của tài khoản

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng cập nhập thông tin cá nhân của tài khoản được sử dụng để thay đổi thông tin tài khoản (**dự kiến**) và địa chỉ giao hàng của người dùng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin bao gồm tài khoản khách hàng và thông tin địa chỉ khách hàng.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng đã có tài khoản.

2.2.2.7 Giỏ hàng

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng giỏ hàng được sử dụng để thêm các món ăn muốn mua vào giỏ hàng và lưu trữ lịch sử giỏ hàng của bản thân người dùng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin bao gồm mã món ăn và giỏ hàng.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng đã có tài khoản.

2.2.2.8 Đặt món ăn và thanh toán

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng đặt món ăn và thanh toán được sử dụng để chọn các thức ăn muốn mua vào giỏ hàng và tiến hành chốt đơn thanh toán. Người dùng sẽ chọn phương thức thanh toán và hoàn tất đặt đơn.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin bao gồm mã món ăn và đơn thanh toán được tạo.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng đã có tài khoản.

2.2.2.9 Xem thông tin lịch sử quá trình đặt món ăn qua các đơn (dự kiến)

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng xem thông tin lịch sử quá trình đặt món ăn qua các đơn được sử dụng để theo dõi thời gian và địa điểm của các tiến trình đơn (từ lúc đặt đơn, trong quá trình giao hàng tới khi đơn đến tay người dùng).

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi tiến trình bao gồm: id, trạng thái, địa chỉ, thời gian.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng đã có tài khoản.

2.2.2.10 Theo dõi tình trạng các hóa đơn mua.

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng theo dõi tình trạng các hóa đơn mua được sử dụng để theo dõi trạng thái đơn hàng của bản thân người dùng.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi đơn hàng bao gồm: id, ngày đặt, ngày giao, trạng thái, email, ghi chú.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

Nhóm người dùng khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng đã có tài khoản.

2.2.2.11 Đánh giá sản phẩm đã mua

✓ **MÔ TẢ CHỨC NĂNG:**

Chức năng đánh giá sản phẩm đã mua được sử dụng để đánh giá các sản phẩm trong đơn hàng đã giao.

✓ **DỮ LIỆU LIÊN QUAN:**

Thông tin của mỗi đơn hàng bao gồm: id, số sao, mã thức ăn, email khách hàng, mã đơn và xác nhận đã đánh giá.

✓ **ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:**

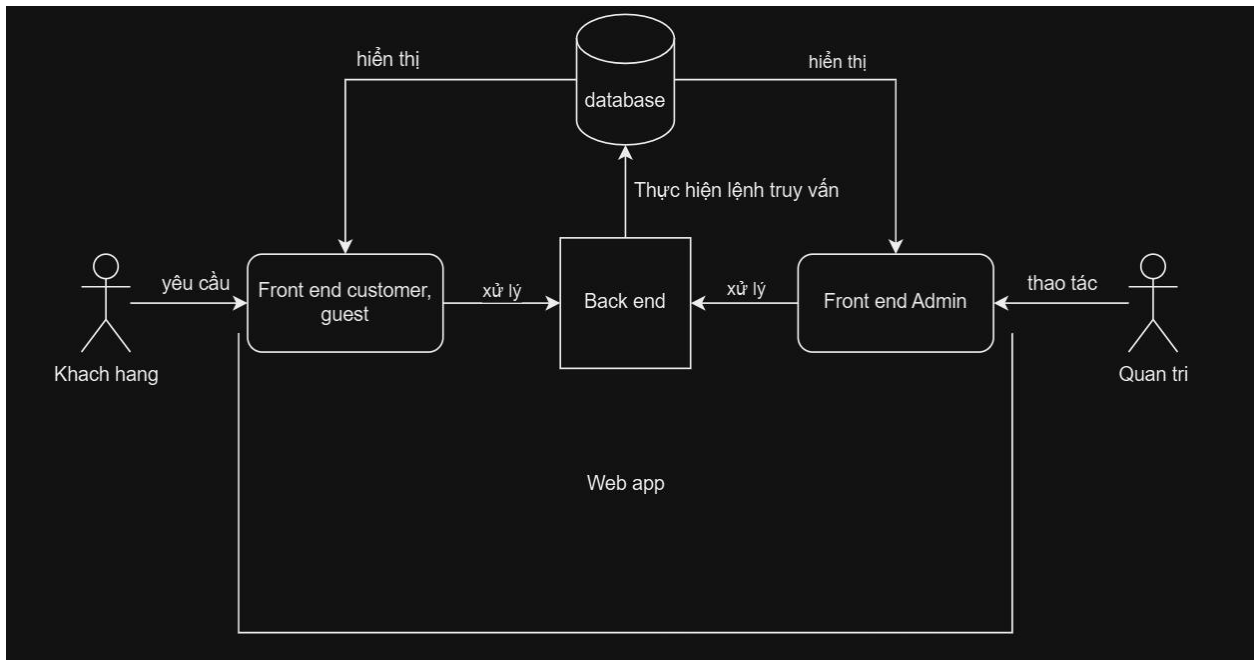
Nhóm người dùng khách hàng.

✓ **CÁC YÊU CẦU BẢO MẬT**

Người dùng đã có tài khoản.

2.3 SƠ ĐỒ TRIỂN KHAI VÀ YÊU CẦU HỆ THỐNG

2.3.1 SƠ ĐỒ TRIỂN KHAI



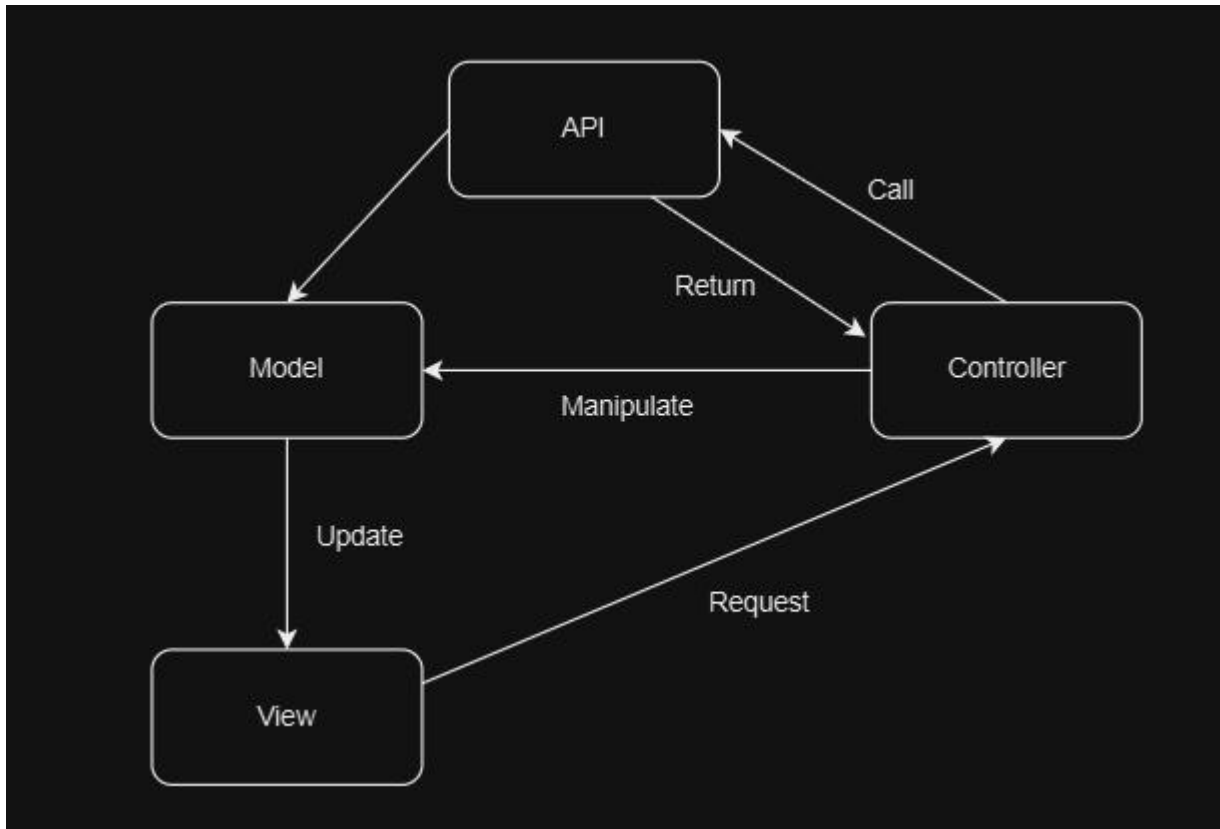
2.3.2 YÊU CẦU HỆ THỐNG

Phần cứng: máy tính ram 4gb có kết nối mạng ổn định.

Phần mềm: các trình duyệt web cộng đồng (edge, chrome,...).

3 THIẾT KẾ ỨNG DỤNG

3.1 MÔ HÌNH CÔNG NGHỆ ỨNG DỤNG



Mô hình: ASP.NET Core Mvc + RestFul API.

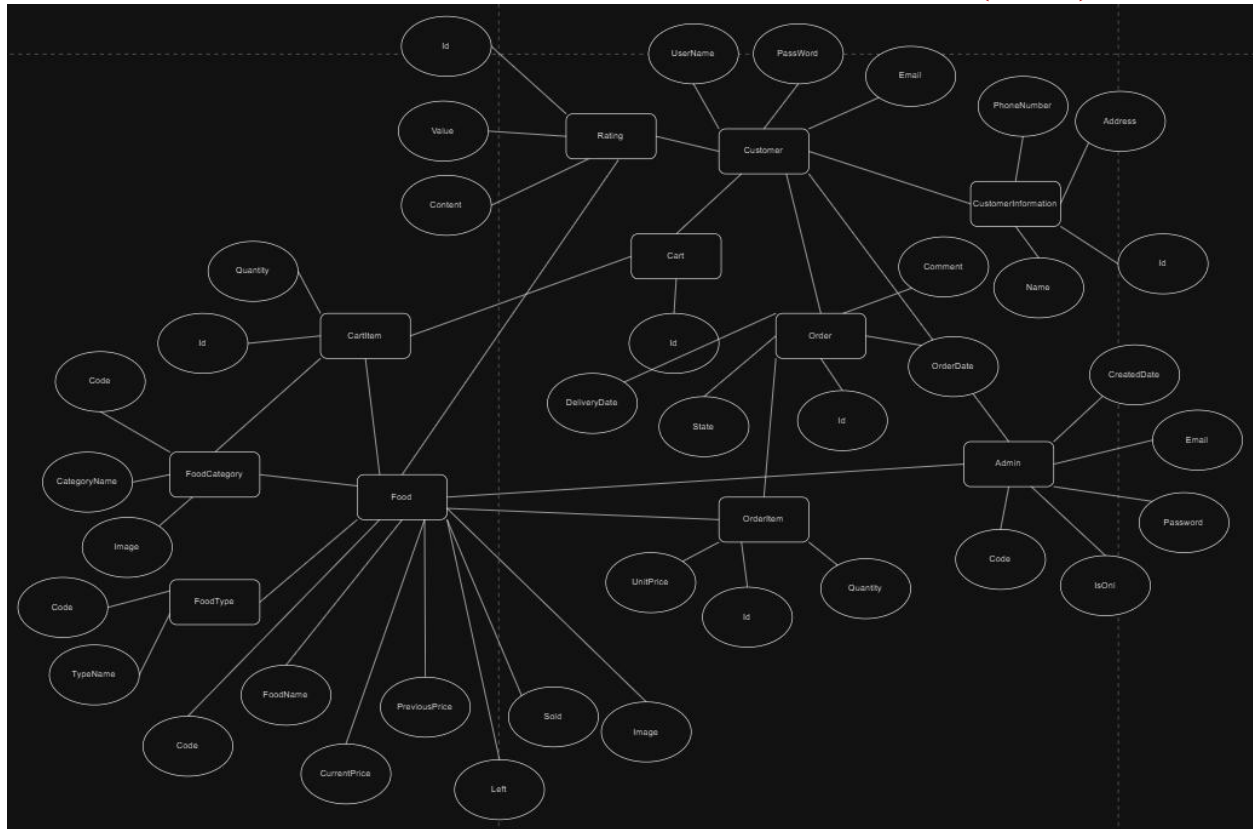
Thư viện: Microsoft.EntityFrameworkCore,
Microsoft.EntityFrameworkCore.Tools, Microsoft.EntityFrameworkCore.Design,
Microsoft.EntityFrameworkCore.SqlServer, Newtonsoft.Json,
Microsoft.AspNetCore.Session.

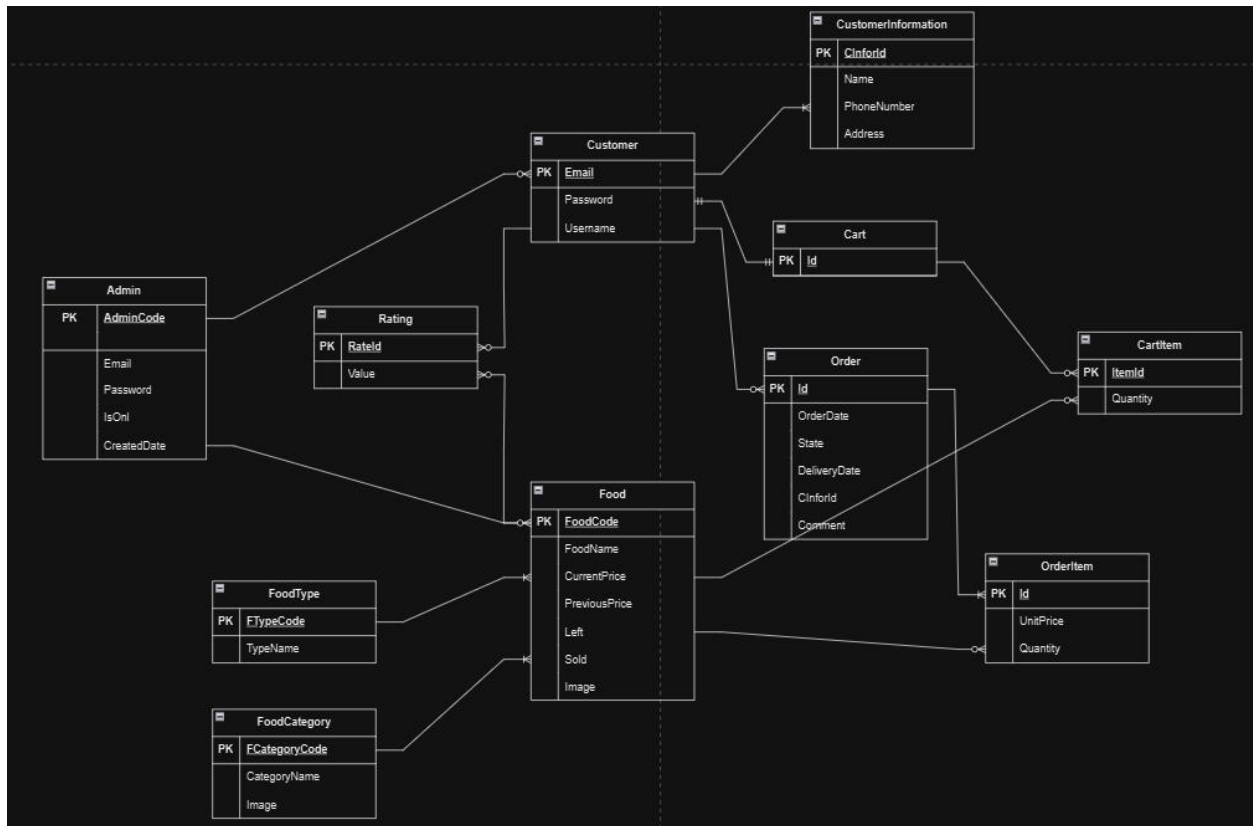
Cơ sở dữ liệu: Sql server.

Phương thức tạo cơ sở dữ liệu: Code first.

3.2 THỰC THỂ

3.2.1 SƠ ĐỒ QUAN HỆ THỰC THỂ (ERD)





3.2.2 CHI TIẾT THỰC THỂ

3.2.2.1 Admin

Column Name	Column Type	Description
AdminCode	PK, char(5), Not null	Admin Code
Email	Varchar(200), Not null	Admin Email account
Password	Varchar(100), Not null	Admin Password account
IsOnl	Bool, Not null	Admin State Online (true/false)
CreatedDate	Date Time, Not null	The date which Account is Created
Level	Bool, Null	Level of admin (master, staff)

3.2.2.2 Customer

Column Name	Column Type	Description
Email	PK, Varchar(200), Not null	Customer Email account
Password	Varchar(100), Not null	Customer Password account

Username	Varchar(300), Not null	Customer Name account
AdminCode	FK, Char(5), Null	Admin Code

3.2.2.3 CustomerInformation

Column Name	Column Type	Description
CInforId	PK, Int, Identity, Not null	Customer Id
CustomerName	Nvarchar(500), Not null	Customer Name
PhoneNumber	Char(10), Not null	Customer Phone Number
Address	Nvarchar(Max), Not null	Customer Address
CustomerEmail	FK, varchar(200), Not null	Customer Email account

3.2.2.4 FoodType

Column Name	Column Type	Description
FTypeCode	PK, Char(4), Not null	Food Type Code
Type Name	Nvarchar(200), Not null	Food Type Name

3.2.2.5 FoodCategory

Column Name	Column Type	Description
FCategoryCode	PK, Char(4), Not null	Food Category Code
CategoryName	Nvarchar(200), Not null	Food Category Name
Image	Varchar(max), Not null	Food Type Image

3.2.2.6 Food

Column Name	Column Type	Description
FoodCode	PK, char(5), Not null	Food Code
FoodName	Nvarchar(300), Not null	Food Name
CurentPrice	Int, Not null	Food Current Price
PreviousPrice	Int, Not null	Food Previous Price
Left	Int, Not null	Food Left Quantity
Sold	Int, Not null	Food Sold Quantity
Image	Varchar(max), Not null	Image File Path

FTypeCode	FK, char(4), Not null	Food Type Code
FCategoryCode	FK, char(4), Not null	Food Category Code
AdminCode	FK, char(5), Not null	Admin Code Account

3.2.2.7 Rating

Column Name	Column Type	Description
RateId	PK, int, identity	Rating Id
Value	Int, Not null	Number of stars (min:0-max:5)
FoodCode	FK, char(5), Not null	Food Code
CustomerEmail	FK, varchar(200), Not null	Customer Email Account
OrderId	Int, Null	Order Id

3.2.2.8 Cart

Column Name	Column Type	Description
CartId	PK, int, identity	Cart Id
CustomerEmail	FK, Varchar(200), Not null	Customer Email Account

3.2.2.9 CartItem

Column Name	Column Type	Description
ItemId	PK, int, identity	Item's Cart Id
Quantity	Int, Not null	Item's Cart Quantity
CartId	FK, Int, Not null	Cart Id
FoodCode	FK, Char(5), Not null	Food Code

3.2.2.10 Order

Column Name	Column Type	Description
OrderId	PK, int, identity	Order Id
OrderDate	Date Time, Not null	Order Date
State	Nvarchar(100), Not null	State Of Order
DeliveryDate	Date Time, Null	The Date When The Order was Delivered

Comment	Nvarchar(max), Null	Note For Order
CustomerEmail	FK, Varchar(200), Not null	Customer Email Account
CInforId	Int, Not null	Customer Information Id
PaymentMethod	Nvarchar(100), null	Payment Method of customer

3.2.2.11 OrderItem

Column Name	Column Type	Description
ItemId	PK, int, Identity	Order's Item Id
UnitPrice	Int, Not null	Order's Item Unit Price
Quantity	Int, Not null	Order's Item Quantity
OrderId	FK, int, Not null	Order Id
FoodCode	FK, char(5), Not null	Food Code
Rated	Bool, null	Rate confirm

3.3 GIAO DIỆN

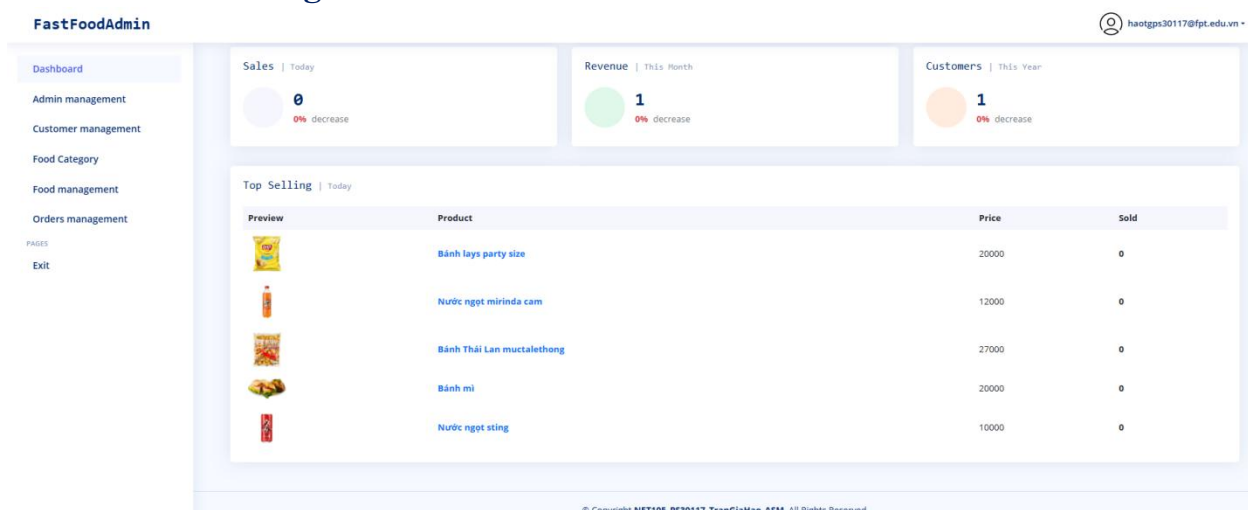
Sử dụng template có sẵn: [Goid - Food PSD Template Free Download \(html.design\)](http://Goid - Food PSD Template Free Download (html.design))

4 THỰC HIỆN DỰ ÁN

4.1 TẠO GIAO DIỆN WEB APP


4.1.1 GIAO DIỆN QUẢN TRỊ

4.1.1.1 Thống kê



4.1.1.2 Quản lý admin

FastFoodAdmin

 haotgps30117@fpt.edu.vn

Dashboard

Admin management

Customer management

Food Category

Food management

Orders management

PAGES

Exit

Admin Management

[Create New](#)

Nhập email cần tìm

Search

Email	Password	IsOnl	CreatedDate	
haotgps30117@fpt.edu.vn	rP3izbrCOhFeZZjLBsdRA==	True	25/05/2024 12:48:32 CH	Edit Details Delete

[←](#)[→](#)

© Copyright NET105_P530117_TranGiaHao_ASM. All Rights Reserved

4.1.1.3 Quản lý khách hàng

FastFoodAdmin

 haotgps30117@fpt.edu.vn

Dashboard

Admin management

Customer management

Food Category

Food management

Orders management

PAGES

Exit

Customer Management

[Create New](#)

Nhập user name

Search


Email	PassWord	UserName	Admins	
haotgps30117@fpt.edu.vn	rP3izbrCOhFeZZjLBsdRA==	Hao29	u81hz	Edit Details Delete

[←](#)[→](#)

© Copyright NET105_P530117_TranGiaHao_ASM. All Rights Reserved

4.1.1.4 Quản lý phân loại thức ăn

FastFoodAdmin

 haotgps30117@fpt.edu.vn

Dashboard

Admin management

Customer management

Food Category

Food management

Orders management

PAGES

Exit

Food Category Management

[Create New](#)

Nhập tên loại đồ ăn

Search

CategoryName	Image	
Snacks	snacks.png	Edit Details Delete
Đồ ăn nhanh	fastfoods.png	Edit Details Delete
Nước uống	drinks.png	Edit Details Delete

[←](#)[→](#)

© Copyright NET105_P530117_TranGiaHao_ASM. All Rights Reserved

4.1.1.5 Quản lý thức ăn

FastFoodAdmin

haotgps30117@fpt.edu.vn

Dashboard

Admin management

Customer management

Food Category

Food management

Orders management

PAGES

Exit

Food Management

Create New

Nhập tên thức ăn

Search

FoodName	CurrentPrice	PreviousPrice	Left	Sold	Image	FoodType	FoodCategory	Admin
Bánh lays party size	20000	20000	56	0	snacklayspartysize.png	555F	H1KB	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Nước ngọt mirinda cam	12000	12000	200	0	mirindacam.png	555F	xggw	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Bánh Thái Lan muctalethong	27000	27000	50	0	banhmuactalethong.png	555F	H1KB	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Bánh mì	20000	20000	25	0	bread.png	555F	Wwrf	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Nước ngọt sting	10000	10000	20	0	sting.png	555F	xggw	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Bánh ostar trứng muối	23000	23000	87	0	ostartrungmuoi.png	555F	H1KB	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Nước ngọt coca cola	12000	12000	200	0	cocacola.png	555F	xggw	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Nước ngọt redbull	15000	15000	100	0	redbull.png	555F	xggw	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Bánh ostar premium	29000	29000	80	0	ostarpremium.png	555F	H1KB	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete
Cơm chiên	55000	55000	10	0	friedrice.png	555F	Wwrf	u81hz <a>Edit <a>Details <a>Delete

←

→

© Copyright NET105_PS30117_TranGiaHao_ASM. All Rights Reserved

4.1.1.6 Quản lý đơn hàng

FastFoodAdmin

haotgps30117@fpt.edu.vn

Dashboard

Admin management

Customer management

Food Category

Food management

Orders management

PAGES

Exit

Order Management

Nhập email khách hàng

Search

OrderDate	State	DeliveryDate	Comment	CinforId	CustomerEmail
-----------	-------	--------------	---------	----------	---------------

←

→

© Copyright NET105_PS30117_TranGiaHao_ASM. All Rights Reserved

4.1.1.7 Đăng nhập

FastFoodAdmin

Unknown

Dashboard

PAGES

Login

Exit

Fast Food Admin

Login to Your Account

Enter your email & password to login

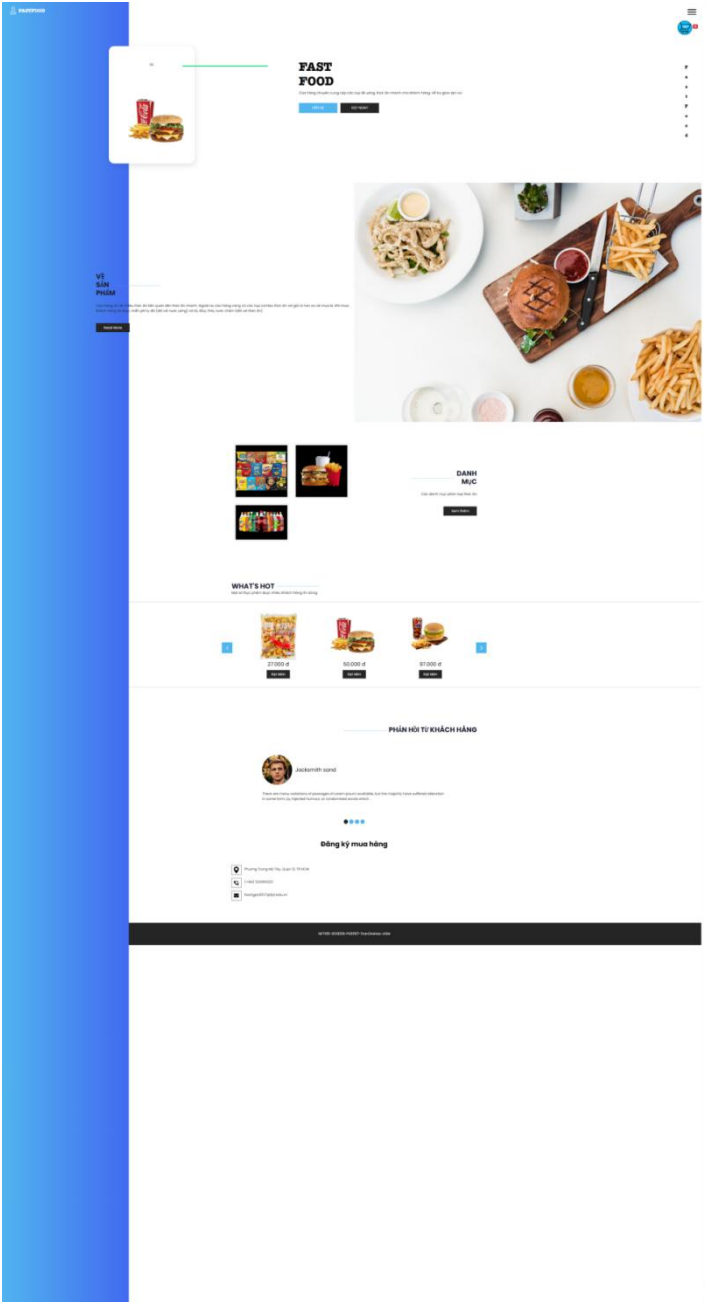
Email

Password


Login

4.1.2 GIAO DIỆN KHÁCH HÀNG

4.1.2.1 Trang chủ



4.1.2.2 Đăng nhập / đăng ký

 **FASTFOOD**


Đăng ký mua hàng

Email

Mật khẩu

Xác nhận mật khẩu

hoặc



SEND


Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.HCM

(+84) 324961023

haotgps30117@fpt.edu.vn

NET105-SD18318-PS30117-TranGiaoHao-ASM

4.1.2.3 Giới thiệu

 **FASTFOOD**

FAST
FOOD

Shop Name: Fast Food / Fast Food Shop

Owner: SomeOne

Trang web bán thức ăn nhanh là một nền tảng trực tuyến tiện lợi, cung cấp cho khách hàng một loạt các lựa chọn thực phẩm từ nhiều thương hiệu nổi tiếng, khách hàng có thể dễ dàng tìm thấy và đặt hàng các món ăn yêu thích như bánh mì kẹp, pizza, gà rán và nhiều món ăn khác chỉ với vài cú nhấp chuột. Giao diện của trang web thân thiện với người dùng, cho phép người dùng dễ dàng duyệt qua các danh mục món ăn, xem đánh giá và nhận xét từ những khách hàng khác. Với dịch vụ giao hàng nhanh chóng và đảm bảo chất lượng, trang web bán thức ăn nhanh là giải pháp hoàn hảo cho những ai yêu thích sự tiện lợi và muốn thưởng thức các món ăn ngon mà không cần phải ra khỏi nhà.

VÌ SAO NÊN CHỌN FAST FOOD ?

Minh bạch


- người dùng có thể xem giá từng loại món trước khi đặt

Tiện lợi

- đặt nhận hàng ở bất cứ đâu trong tình

Chất lượng

- đồ ăn được đánh giá công khai trên trang để người dùng tham khảo



NET105-SD18318-PS30117-TranGiaoHao-ASM

4.1.2.4 Danh mục

FASTFOOD

DANH MỤC

Các danh mục phân loại thức ăn



4.1.2.5 Địa chỉ

FASTFOOD

Tạo mới

Địa chỉ:

0907384857

Trần Gia Hòa

43/2 Hồ Thị Khiêm, Quận 12, Hồ Chí Minh

địa chỉ mặc định

Địa chỉ:

0938472635

Hào Gia

32/1A Nguyễn Văn Quà, Quận 12, Hồ Chí Minh

địa chỉ mặc định

Danh sách địa chỉ giao hàng



4.1.2.6 Tạo mới địa chỉ

Đăng ký địa chỉ nhận hàng

Số nhà, tên đường

Chọn tỉnh / thành phố

Hồ Chí Minh

Chọn quận

Quận 1

Tên người nhận hàng

Số điện thoại

CREATE

Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.HCM

(+84) 324961023

haotgps30117@fpt.edu.vn

NET105-SOI8318-PS30117-TranGlaHao-ASM

4.1.2.7 Đơn hàng

Chưa giaoĐang giaoĐã giaoTheo địa chỉ

Id

1

Ngày đặt

26/05/2024 12:00:00 SA

Trạng thái

Delivered

Ngày giao

06/06/2024 11:14:16 SA

Xem chi tiết >>

4.1.2.8 Duyệt thức ăn

Bộ lọc

Giá thấp đến cao

Giá cao đến thấp

Combo

Biếng lẻ

Bánh lays party size

20.000 đ

Đặt Món

Bánh Thái Lan muctalethong

27.000 đ

Đặt Món

Bánh ostar trứng muối

23.000 đ

Đặt Món

Bánh ostar premium

29.000 đ

Đặt Món

4.1.2.9 Giỏ hàng


Ảnh sản phẩm	Tên	Đơn giá	Số lượng	Tổng tiền	
	Bánh naan Ấn Độ	20.000 đ	2	40.000 đ	
	[Combo] Hamburger + Coca cola + Khoai tây chiên	50.000 đ	2	100.000 đ	
	Bánh lays party size	20.000 đ	1	20.000 đ	

Tiếp tục mua hàng



Thanh toán

4.1.2.10

Thanh toán



Ảnh sản phẩm



Tổng thanh toán: 60.000 đ

Địa chỉ: | [Chỉnh sửa](#)

0907384857

Trần Gia Hào

43/2 Hồ Thị Khâm, Quận 12, Hồ Chí Minh

Đặt chú:

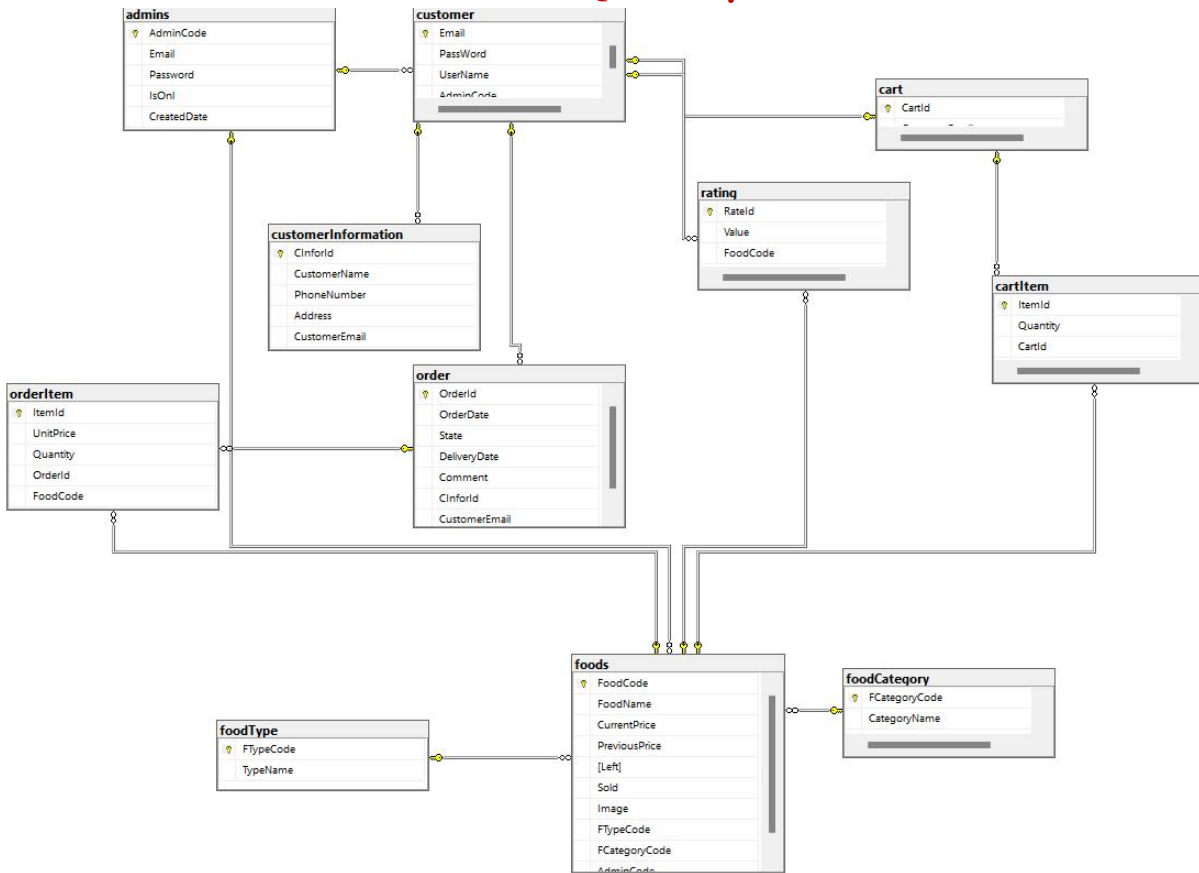
Thanh toán

Tên	Đơn giá	Số lượng	Tổng tiền
Bánh ngon ăn độ	20.000 đ	2	40.000 đ
Bánh lays party size	20.000 đ	1	20.000 đ

Xác nhận

4.2 TẠO CSDL VỚI SQL SERVER

4.2.1 SƠ ĐỒ QUAN HỆ



4.2.2 THỦ TỤC LƯU

4.2.2.1 Sp_orderitem()

MÃ NGUỒN	<pre>CREATE OR ALTER TRIGGER DECREASE_QUANTITY_FOOD ON orderitem AFTER INSERT AS BEGIN DECLARE @FOODCODE CHAR(5), @QUANTITY INT; DECLARE INSERTCUSOR CURSOR FOR SELECT FoodCode, Quantity FROM inserted; OPEN INSERTCUSOR;</pre>
----------	---

	<pre> FETCH NEXT FROM INSERTCUSOR INTO @FOODCODE, @QUANTITY; WHILE @@FETCH_STATUS = 0 BEGIN UPDATE foods SET Sold = @QUANTITY, [Left] -= @QUANTITY WHERE FoodCode = @FOODCODE; FETCH NEXT FROM INSERTCUSOR INTO @FOODCODE, @QUANTITY; END CLOSE INSERTCUSOR; DEALLOCATE INSERTCUSOR; END GO </pre>
MÔ TẢ	Proc này được sử dụng tự động giảm số lượng tồn kho của thức ăn sau khi tạo đơn hàng
THAM SỐ	@FOODCODE là mã thức ăn, @QUANTITY là số lượng đã mua
KẾT QUẢ	Những thức đã được mua bị giảm số lượng theo số lượng đã mua trong orderitem

4.2.2.2 SP_Rating()

MÃ NGUỒN	<pre> CREATE OR ALTER TRIGGER RATINGCONFRIM ON [dbo].[rating] AFTER INSERT AS BEGIN DECLARE @EMAIL VARCHAR(200), @CODE CHAR(5); SET @EMAIL = (SELECT FoodCode FROM inserted); SET @CODE = (SELECT CustomerEmail FROM inserted); DECLARE @ORDERID INT; SET @ORDERID = (SELECT OrderId FROM inserted); </pre>
-----------------	--

	<pre> UPDATE orderItem SET Rated = 1 WHERE OrderId = @ORDERID; END GO </pre>
MÔ TẢ	Proc này được sử dụng thay đổi Rated = true (1)
THAM SỐ	@CODE là mã thức ăn, @EMAIL là email khách hàng, @ORDERID là mã đặt hàng
KẾT QUẢ	Giá trị Rated ở thức ăn đánh giá bằng true

4.2.2.3 SP_Order()

MÃ NGUỒN	<pre> CREATE OR ALTER TRIGGER PAYMENT ON [dbo].[order] AFTER INSERT AS BEGIN DECLARE @QUANTITY INT, @FOODCODE CHAR(5), @UNITPRICE INT; DECLARE @ORDERID INT; SET @ORDERID = (SELECT OrderId FROM inserted); DECLARE INSERTCUSOR1 CURSOR FOR SELECT FoodCode, Quantity, (SELECT CurrentPrice FROM foods WHERE FoodCode = C.FoodCode) FROM cartItem AS C; DECLARE @CARTID INT; SET @CARTID = (SELECT CartId FROM cart WHERE CustomerEmail = (SELECT CustomerEmail FROM inserted)); OPEN INSERTCUSOR1; FETCH NEXT FROM INSERTCUSOR1 INTO @FOODCODE, @QUANTITY, @UNITPRICE; </pre>
-----------------	---

	<pre> WHILE @@FETCH_STATUS = 0 BEGIN INSERT INTO orderItem (UnitPrice, Quantity, OrderId, FoodCode, Rated) VALUES (@UNITPRICE, @QUANTITY, @ORDERID, @FOODCODE, 0); DELETE FROM cartItem WHERE FoodCode = @FOODCODE; FETCH NEXT FROM INSERTCUSOR1 INTO @FOODCODE, @QUANTITY, @UNITPRICE; END CLOSE INSERTCUSOR1; DEALLOCATE INSERTCUSOR1; END GO </pre>
MÔ TẢ	Proc này được sử dụng thêm thức ăn mua lưu vào đơn hàng
THAM SỐ	@FOODCODE là mã thức ăn, @QUANTITY là số lượng đã mua, @UnitPrice là đơn giá, @OrderId là mã đơn, @CartId là mã giỏ hàng
KẾT QUẢ	Đơn vừa tạo được thêm sản phẩm đã đặt

4.3 MÔ HÌNH LẬP TRÌNH



4.3.1 MÔ HÌNH TỔ CHỨC DỰ ÁN

API: tầng chứa các phương thức kết nối với database, gồm:

- **Controllers:** chứa các api controllers.
- **Context:** chứa dbconext hỗ trợ giao tiếp với database tạo bảng và truy vấn dữ liệu.

UI: tầng chứa mô hình Mvc, gồm:

- **Models:** chứa các entity class tạo bảng trên cơ sở dữ liệu và cập nhập hiển thị lên view.
- **Controller:** nhận yêu cầu và xử lý, sau đó thao tác lên models.
- **View:** hiển thị giao models và giao diện người dùng trên browser.

4.3.2 RESTFULL API

Mô tả:

- ✓ REST(REpresentational State Transfer) là một hệ thống các ràng buộc (constraints)
- ✓ Là một kiểu kiến trúc được sử dụng trong việc giao tiếp giữa các máy tính (máy tính cá nhân và máy chủ của trang web) trong việc quản lý các tài nguyên trên internet.
- ✓ RESTful API là một tiêu chuẩn tuân thủ Rest dùng trong việc thiết kế API cho các ứng dụng web (thiết kế Web services) để tiện cho việc quản lý các resource, chú trọng vào tài nguyên hệ thống (tệp văn bản, ảnh, âm thanh, video, hoặc dữ liệu động...), bao gồm các trạng thái tài nguyên được định dạng và được truyền tải qua HTTP.

5 KIỂM THỬ PHẦN MỀM VÀ SỬA LỖI

5.1 BẢNG TEST CASE

Link test case: [Test Case Net105](#)

6 KẾT LUẬN

6.1 KHÓ KHĂN

- ❖ Thời gian thực hiện dự án ngắn nên không đủ thời gian học tập và làm dự án.

6.2 THUẬN LỢI

- ❖ Có giảng viên chuyên môn hỗ trợ, tư vấn cụ thể.
- ❖ Được phép sử dụng template cho phần giao diện phần mềm, giúp tiết kiệm được thời gian làm dự án

6.3 NHỮNG LỖ HỎNG TRONG PHẦN MỀM

6.3.1 SITE ADMIN:

- ❖ Các hiển thị thông tin của site admin chưa được rõ ràng.

6.3.2 SITE CUSTOMER

- ❖ Bố cục các thành phần chưa đẹp mắt.
- ❖ Hệ thống đánh giá chưa chuẩn, chưa làm chi tiết được nghiệp vụ.

